TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT
Ngày: 28-02-2020
V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12/02/2020 và ngày 28/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019, về *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*" .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/01/2019 của Toà án nhân dân thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 463/2019/QĐ-PT, ngày 03 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: đường Lê L, Phường 3, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1936;

Địa chỉ: đường Hùng V, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là chị Trương Thị M, sinh năm 1975; địa chỉ: đường Hùng V, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là ông Nguyễn Văn H là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1969;

2. Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1995;

3. Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: đường Lê L, Phường 3, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Thu H, Hoàng M, Hoàng T1 là ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1964; địa chỉ: đường Lê L, Phường 3, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

4. Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Võ Thanh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đ (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Nguyễn Sinh S, Phường 1, thành phố Sa Đ, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Trương Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 2972, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ lưới tọa độ là thửa 111, tờ bản đồ 28) diện tích 66,5m^2, mục đích sử dụng loại đất T, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 1, Thành phố Sa Đ do ông Nguyễn Văn T (là cha ông T) tặng cho năm 2001. Tiếp giáp thửa đất 2972 của ông T là phần đất của ông Trương Văn C. Ông T không thường xuyên sử dụng, phần đất từ khi nhận tặng cho ông T để trống, đến năn 2006 thì phát sinh tranh chấp với ông C. Do ông T dự định xây nhà nên yêu cầu ông C xác định ranh nhưng ông C chỉ ranh lấn qua đất của ông T phần đất lấn chiếm có chiều ngang 1,57m, chiều dài 19m, diện tích 15m^2. Ông T yêu cầu Ủy ban Phường 1 giải quyết kết quả không thành nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả đo đạc thì phần đất thửa 111, tờ bản đồ 28 do hộ ông T đứng tên có diện tích đo đạc thực tế là 50,5m^2 (chưa tính diện tích tranh chấp là 19,5 m^2) so với giấy chứng nhận QSD đất được cấp là 66,5m^2 thiếu 16 m^2, không đủ theo giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông T là 66,5 m^2.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu xác định ranh giới QSD đất giữa hộ ông T và ông C thể hiện tại các mốc từ 17 đến mốc 24, yêu cầu ông C giao trả lại cho ông T phần đất diện tích là 19,5 m^2 thể hiện tại các mốc 17-24-23-18-17 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đ ngày 03/10/2018. Tại phiên tòa hôm nay, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông T yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông T và ông C thể hiện tại các mốc từ 17-28-27-26-25-24, yêu cầu ông C giao trả lại cho ông T phần đất diện tích là 18,85 m^2 là hình 7A thể hiện vị trí các mốc từ 17-28-27-26-25-24-23-18-17 theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đ.

Đồng thời ông T yêu cầu ông C di dời cây trồng, công trình trên đất. Ông T không hỗ trợ di dời. Đối với sân láng xi măng không tháo dỡ di dời được thì ông T đồng ý hoàn trả giá trị theo hội đồng định giá đã định là 17.000 đồng. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trương Văn C ủy quyền cho bà Trương Thị M trình bày:

Năm 1984, ông C có nhận chuyển nhượng của ông Phùng T một phần đất có chiều ngang 10,5m, dài 40m, tổng diện tích là 420 m^2 tọa lạc tại Khóm 2, Phường 1, Thành phố Sa Đ, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay. Khi nhận chuyển nhượng của ông Phùng T giữa ông T và ông C tự đo đạc có xác định ranh đất với chủ liền kề nhưng không có lập biên bản và cán bộ địa chính chứng kiến. Sau đó ông T xây nhà trên một phần diện tích đất này để ở phần đất còn lại ông C trồng xoài, gòn, các cây thuốc nam.

Đến năm 1993, ông C làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 04/8/1993 diện tích là 263 m^2, thuộc thửa 2913, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 1, thành phố Sa Đ, lý do diện tích ông C sử dụng là 420 m^2 nhưng chỉ kê khai 263 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2913, tờ bản đồ 02 diện tích 263m^2 vì ông C chỉ kê khai phần đất đang cất nhà ở và một phần diện tích đất đang sử dụng. Phần đất còn lại như đất mộ và cống thoát hiểm chưa kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ông C xác định không có lấn chiếm đất của ông T nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T. Về tài sản trên phần đất tranh chấp, có sân láng xi măng không di dời được, 03 cây dâu tằm ăn. Tại phiên tòa, bà M còn cho rằng trong phần đất tranh chấp ông C có bỏ chi phí san lắp mặt bằng nhưng không xác định được bao nhiêu tiền.

Ông C yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông T và ông C thể hiện tại các mốc 23-18. Do đó, ông C không đồng ý trả lại phần đất diện tích là

18,85m^2 thể hiện tại các mốc vị trí các mốc từ 17-28-27-26-25-24-23-18-17 theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký QSD đất, do đó không đồng ý di, dời tài sản trên đất tranh chấp vì đây là đất của ông C không phải của ông T. Tại phiên tòa bà M xác định trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T thì ông C không yêu cầu ông T trả giá trị đối với phần sân láng xi măng trong phần đất tranh chấp, đối với 03 cây dâu tằm ăn thì ông C đồng ý tự di dời, đối với chi phí sang lắp mặt bằng trong phần đất tranh chấp thì ông C không yêu cầu gì. Ngoài ra, ông C không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H, anh Nguyễn Hoàng M, anh Nguyễn Hoàng T1 ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T trình bày:

Anh T1, anh M, bà H thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông trả lại QSD đất đã lấn chiếm diện tích là 18,85m^2 thể hiện tại vị trí các mốc 17-28-27-26-25-24-23-18-17. Đồng thời yêu cầu xác định ranh đất giữa đất của hộ ông T và ông C tại các mốc từ 17-28-27-26-25-24, yêu cầu ông C di dời cây trồng và tài sản trên đất trả lại đất cho hộ ông T, trường hợp tài sản của ông C trên phần đất là sân láng xi măng không tháo dỡ di dời được thì hộ ông T đồng ý hoàn trả giá trị theo Hội đồng định giá đã định là 17.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Theo hồ sơ án sơ thẩm Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đ có văn bản ý kiến như sau:

Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Minh T thửa số 111, tờ bản đồ 28 là đúng quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T có tiến hành đo đạc trước tại biên bản đo đạc xác định ranh đất ngày 19/02/2001 được chủ sử dụng đất, các chủ sử dụng đất liền kề xác định ranh và ký tên. Uỷ ban chỉ cấp giấy CNQSD đất cho ông Trương Văn C thửa 2913, tờ bản đồ 02 diện tích 263m^2. Ngoài ra, Ủy ban không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đ, Đồng Tháp tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 2972 (theo bản đồ lưới tọa độ là thửa 111, tờ bản đồ 28) của hộ ông Nguyễn Minh T với thửa đất 110, tờ bản đồ số 28 của ông Trương Văn C, được xác định là đường thẳng nối qua các mốc

17-28-27-26-25-24. Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản bên nào lấn chiếm ranh đất phải được di dời theo quy định pháp luật (Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ngày 27/12/2018 và sơ đồ đo đạc điều chỉnh, bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc).

Đương sự có quyền nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp đổi biến động phần đất được xác định trong bản án theo quy định của pháp luật về đất đai.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Trương Văn C phải nộp 3.770.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T được nhận lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06356 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- *Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá:*

Ông Trương Văn C phải nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 4.333.000 đồng. Do ông Nguyễn Minh T đã nộp 4.333.000 đồng và đã chi xong nên buộc ông Trương Văn C có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Minh T toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 4.333.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trương Văn C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố Sa Đéc.

Ông Trương Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Minh T; yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông T với ông C là đường thẳng nối các mốc 18 đến mốc 23.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trương Văn C có chị Trương Thị M là người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu Tòa phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận thành của hai bên theo biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/02/2020 của Tòa án Tỉnh cụ thể như sau: Xác định mốc ranh giới mặt tiền (phía giáp hẻm công cộng 3,5m) thống nhất lấy mốc số 17 làm mốc ranh (theo mốc này thì bề ngang đất ông T là từ

mốc 17 đến mốc 19 (giáp ông N) là 3,5m (ba mét rưỡi)). Mốc ranh giới phía hậu (giáp lối thoát hiểm) hai bên thống nhất xác định lấy mốc 20 kéo thẳng về phía đất ông C là 3,4m (ba mét tư).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T đồng ý và yêu cầu Tòa phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa ông và chị M xác định các mốc giới ranh đất theo biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/02/2020 của Tòa án Tỉnh và đồng ý tự nguyện chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản không yêu cầu ông C trả lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn C là luật sư H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, công nhận các mốc giới ranh của các bên đương sự thỏa thuận xác lập theo biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/02/2020 và sự tự nguyện chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá của ông T tại phiên tòa phúc thẩm để sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên nhận định các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc xác lập các mốc giới ranh theo biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/02/2020 và sửa phần án phí không buộc ông C nộp do ông C là người cao tuổi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyền sử dụng đất ranh giới tranh chấp giữa hộ ông T với ông C có đủ căn cứ xác định diện tích là 18,86m^2, vị trí ở giữa ranh giới chiều dọc thửa đất số 111 của hộ ông Tâm đã có giấy CN.QSDĐ, giáp với thửa số 110 và 229 của ông C chưa đăng ký, chưa có giấy CN.QSDĐ, các thửa đất này cùng tờ bản đồ số 28, tại Phường 1, thành phố Sa Đ, cụ thể là trong phạm vi các mốc số 17, 18, 23, 24, 25, 26, 27, 28 về lại 17 theo sơ đồ đo vẽ bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đ.

[2]. Trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, Tòa án Tỉnh đã tiến hành kiểm tra lại hiện trạng ranh đất tranh chấp theo yêu cầu của phía bị đơn, hai bên đương sự là ông T với chị M thỏa thuận thống nhất hòa giải thành yêu cầu xác lập ranh giới theo biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/02/2020 của Tòa

án Tỉnh cụ thể là dựa theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở kiểm tra và ghi nhận kết quả: Xác định mốc ranh giới mặt tiền (phía giáp hẻm công cộng 3,5m) thống nhất lấy mốc số 17 làm mốc ranh (theo mốc này thì bề ngang đất ông T là từ mốc 17 đến mốc 19 (giáp ông N) là 3,5m (ba mét rưỡi)). Mốc ranh giới phía hậu (giáp lối thoát hiểm) hai bên thống nhất xác định lấy mốc 20 kéo thẳng về phía đất ông C là 3,4m (ba mét tư), tại vị trí này tạo thành mốc mới là mốc A (mốc A cách mốc 24 là 10cm) để làm mốc ranh. Nối mốc 17 đến mốc A theo đường thẳng là ranh giới phân biệt đất giữa các bên (Mốc 20 nói trên được xác định là sát mép ngoài vách tường mái cháy nhà của ông N).

[3]. Luật sư H đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận thành của các đương sự là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa án sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Từ các tình tiết, nội dung nhận định trên Hội đồng xét xử thấy phải công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự, nối mốc 17 đến mốc A theo đường thẳng là ranh giới phân biệt đất giữa các bên (Mốc A là mốc mới theo nhận định trên) là phù hợp.

[6] Do sửa án sơ thẩm, nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, ông C là người cao tuổi có đơn yêu cầu miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí sơ thẩm.

[7]. Về chi phí tố tụng: Các chi phí về thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng 4.333.000 đồng, ông T tự nguyện chịu, không yêu cầu bên ông C trả lại, sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật được công nhận. Phần chi phí về giám định theo yêu cầu của ông C trong giai đoạn phúc thẩm là 5.050.000 đồng, kết quả giám định không phù hợp với yêu cầu của ông C, nên ông C phải chịu chi phí này theo quy định pháp luật.

[8]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đ, Đồng Tháp.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Minh T đối với ông Trương Văn C.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 2972 (theo bản đồ lưới tọa độ là thửa 111, tờ bản đồ 28) của hộ ông Nguyễn Minh T với thửa đất 110 và thửa 229 cùng tờ bản đồ số 28 của ông Trương Văn C tại Phường 1, thành phố Sa Đ, Đồng Tháp được xác định là đường thẳng nối liền từ mốc M17 đến mốc A (mốc A là mốc mới do Tòa án Tỉnh bổ sung theo nhận định trên) theo Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 24/02/2020 của Tòa án Tỉnh và Sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án Tỉnh bổ sung mốc mới là mốc A nêu trên). Ranh giới này các bên đương sự phải tôn trọng sử dụng đúng đường ranh theo chiều thẳng đứng từ mặt đất đã được xác định lên không gian và xuống lòng đất theo quy định pháp luật. Các công trình xây dựng, vật kiến trúc khác, cây trồng của đương sự nào vướn vào đường ranh thì mỗi bên đương sự tự thu dọn di dời, kể cả 03 cây dâu tằm ăn của ông C trồng trên đất ông T, ông C tự di dời.

3. Các bên đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định (có Sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đ kèm theo bản án này).

4. Về án phí:

+ Ông Trương Văn C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Ông Nguyễn Minh T được nhận lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06356 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đ, Đồng Tháp.

5. Về chi phí tố tụng:

+ Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Minh T tự nguyện chịu 4.333.000 đồng (đã nộp và chi xong).

+ Về chi phí giám định: Ông Trương Văn C phải chịu 5.050.000 đồng (đã nộp và chi xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố Sa Đ;
- CCTHADS thành phố Sa Đ;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương